

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 23-06-2023.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Đức Hùng.

Ông Đinh Xuân Dậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy V**, sinh năm 1986, địa chỉ: Số H, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1972, địa chỉ: Số H, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn-bà Nguyễn Thị Thùy V trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống và đăng ký kết UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 08/12/2006. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 28/11/2007, Nguyễn Hoàng Phương

N, sinh ngày 26/11/2012 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30/8/2016. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung. Tạm thời, tôi yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

** Tại Bản tự khai, bị đơn-ông Nguyễn Văn H trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Thùy V chung sống có đăng ký kết vào năm 2006. Vợ chồng chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Hoàng Phương N, Nguyễn Phương L1. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết. Không nợ nần ai cả. Nay vợ yêu cầu ly hôn thì ông không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung ông đồng ý giao con cho vợ và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/con/tháng.

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-bà Nguyễn Thị Thùy V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn- bà Nguyễn Thị Thùy V và bị đơn-ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà V, ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy V và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 185, ngày 08 tháng 12 năm 2006) nên quan hệ hôn nhân của bà V và ông H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Căn cứ vào chứng cứ thu thập được thể hiện tại hồ sơ thì trong quá trình chung sống, bà V và ông H có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau. Ông bà đã sống ly thân hơn 05 năm nay. Trong thời gian sống ly thân thì không bàn bạc đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

cũng nhưng các thông báo về phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt nên không hòa giải được. Đối với yêu cầu ly hôn của bà V thì ông H cũng không có ý kiến. Như vậy, có căn cứ xác định giữa bà V và ông H đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V, xử cho bà V được ly hôn với ông H là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 28/11/2007, Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 26/11/2012 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30/8/2016. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và ông H cũng đồng ý giao con cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, các con chung đang bà V được nuôi dưỡng tốt, bà V cũng có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, việc giao 03 con chung cho bà Nguyễn Thị Thùy V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của các cháu và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Bà V yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/con/tháng và ông H cũng đồng ý nên chấp nhận.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy V thuộc phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn-bà Nguyễn Thị Thùy V đối với bị đơn- ông Nguyễn Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Thùy V được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 28/11/2007, Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 26/11/2012 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 30/8/2016 cho bà Nguyễn Thị Thùy V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/con/tháng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 108 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thùy V thuộc phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 2316 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trảng Bom. Bà Nguyễn Thị Thùy V đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận: T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Đương sự; **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND cùng cấp;

- Chi cục THADS cùng cấp;

- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;

- Lưu.

Đào Ngọc Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Đức Hùng – Đinh Xuân DậuĐào Ngọc Nam